

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



Công ty Cổ phần Thế Giới Số

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc và phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 35

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0302861742 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết Số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 7 năm 2015.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý kỹ gởi hàng hóa.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 195 - 197 Đường Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại các Thành phố Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch
Bà Đặng Kiện Phương	Thành viên
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên độc lập
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên độc lập

BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ban Kiểm toán Nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Tùng	Trưởng ban
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Kiện Phương	Tổng Giám đốc
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt
Bà Đặng Kiện Phương

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC VÀ PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đề ngày 25 tháng 8 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Đoàn Hồng Việt
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2023

Số tham chiếu: 11540875/66920835/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") được lập ngày 25 tháng 8 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1588-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.791.441.764.247	5.644.450.431.645
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	939.962.002.350	811.520.984.485
111	1. Tiền		192.778.281.657	265.520.413.906
112	2. Các khoản tương đương tiền		747.183.720.693	546.000.570.579
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.328.027.615.469	1.609.117.932.518
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	2.109.091.888.496	1.394.277.072.982
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	62.189.232.396	28.233.367.279
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	156.800.000.000	191.269.520.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	43.250.459.671	38.641.937.351
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 7	(43.303.965.094)	(43.303.965.094)
140	III. Hàng tồn kho	8	2.426.795.982.094	3.119.480.419.894
141	1. Hàng tồn kho		2.591.967.198.104	3.309.321.029.401
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(165.171.216.010)	(189.840.609.507)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		96.656.164.334	104.331.094.748
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	15.348.932.737	19.528.053.641
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		80.516.757.416	84.157.662.299
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		790.474.181	645.378.808
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		654.064.918.346	571.643.715.060
210	I. Phải thu dài hạn		11.010.993.600	18.809.459.600
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	11.010.993.600	18.809.459.600
220	II. Tài sản cố định		104.517.204.042	91.313.410.041
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	39.518.789.341	30.231.866.767
222	Nguyên giá		75.091.086.639	62.901.684.522
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(35.572.297.298)	(32.669.817.755)
227	2. Tài sản vô hình	11	64.998.414.701	61.081.543.274
228	Nguyên giá		71.962.199.672	66.677.865.692
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(6.963.784.971)	(5.596.322.418)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	12	464.050.947.770	361.784.987.375
251	1. Đầu tư vào công ty con		509.000.000.000	406.734.039.605
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		2.945.750.000	2.945.750.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(47.894.802.230)	(47.894.802.230)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		74.485.772.934	99.735.858.044
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	4.078.734.447	3.928.135.408
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	25.3	70.407.038.487	95.807.722.636
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.445.506.682.593	6.216.094.146.705

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

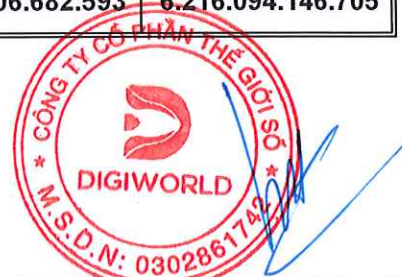
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.866.723.995.264	3.818.204.482.203
310	I. Nợ ngắn hạn		3.858.590.365.837	3.812.345.852.776
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	1.218.047.721.940	1.165.713.526.793
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.2	160.134.963.642	95.170.709.021
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	46.958.565.610	34.647.805.130
314	4. Phải trả người lao động		14.185.946.859	20.638.581.346
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	153.537.459.594	303.672.311.264
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	189.293.458.210	277.676.543.229
320	7. Vay ngắn hạn	17	2.076.432.249.982	1.914.826.375.993
330	II. Nợ dài hạn		8.133.629.427	5.858.629.427
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	8.133.629.427	5.858.629.427
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.578.782.687.329	2.397.889.664.502
410	I. Vốn chủ sở hữu	18.1	2.578.782.687.329	2.397.889.664.502
411	1. Vốn cổ phần		1.632.244.430.000	1.632.299.430.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.632.244.430.000	1.632.299.430.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		61.233.761.416	61.233.761.416
415	3. Cổ phiếu quỹ		(6.272.937.166)	(6.302.937.166)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		400.000.000	400.000.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		891.177.433.079	710.259.410.252
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		710.259.410.252	23.473.326.342
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong kỳ		180.918.022.827	686.786.083.910
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		6.445.506.682.593	6.216.094.146.705



Trần Quế Tâm
Người lập



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

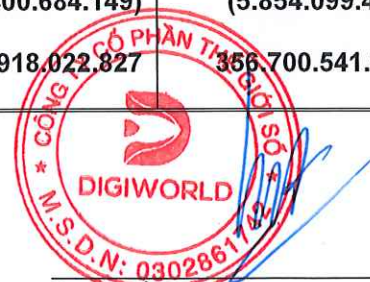
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kết toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
01	1. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	19.1	8.132.172.519.718	11.864.739.495.590
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	(4.557.156.975)	(64.690.218.857)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	8.127.615.362.743	11.800.049.276.733
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20	(7.547.911.605.539)	(11.035.794.024.451)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		579.703.757.204	764.255.252.282
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	83.209.706.289	101.910.628.241
22	7. Chi phí tài chính	22	(70.255.163.960)	(39.708.411.072)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	22	(67.692.440.902)	(35.008.246.009)
25	8. Chi phí bán hàng	21	(306.833.864.337)	(325.462.490.773)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(58.502.273.663)	(51.508.117.071)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		227.322.161.533	449.486.861.607
31	11. Thu nhập khác	23	1.083.055.819	370.966.847
32	12. Chi phí khác	23	(2.044.536.216)	(3.081.012.822)
40	13. Lỗ khác	23	(961.480.397)	(2.710.045.975)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		226.360.681.136	446.776.815.632
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	(20.041.974.160)	(84.222.174.321)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	25.3	(25.400.684.149)	(5.854.099.447)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		180.918.022.827	356.700.541.864



Trần Quốc Tâm
Người lập



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kết toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		226.360.681.136	446.776.815.632
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11	4.557.281.796	3.522.944.141
03	(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng		(24.669.393.497)	162.321.911.445
	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	6.886.192.178
04	Lãi từ hoạt động đầu tư		(32.581.749.239)	(18.230.751.364)
05	Chi phí lãi vay	22	67.692.440.902	35.008.246.009
06				
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		241.359.261.098	636.285.358.041
09	Tăng các khoản phải thu		(746.075.967.046)	(255.843.634.978)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		717.353.831.297	(669.032.301.551)
11	Giảm các khoản phải trả		(132.765.001.665)	(882.926.762.211)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		4.028.521.865	(4.319.975.009)
14	Tiền lãi vay đã trả		(70.675.925.045)	(34.691.233.680)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(38.755.629.206)	(126.255.816.815)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(25.530.908.702)	(1.336.784.366.203)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(17.761.075.797)	(2.040.886.165)
23	Tiền chi cho vay		(180.208.960.395)	(166.048.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		116.919.520.000	57.400.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(515.960.395)	(1.350.000.000)
27	Tiền thu lãi tiền gửi và trái phiếu		32.581.749.239	18.484.508.033
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(48.984.727.348)	(93.554.378.132)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Phát hành cổ phiếu	16, 18.1	40.000.000.000	22.000.000.000
32	Tiền mua lại cổ phiếu doanh nghiệp đã phát hành	18.1	(25.000.000)	(30.000.000)
33	Tiền thu từ đi vay		4.853.798.291.609	4.904.979.135.095
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(4.690.816.637.694)	(4.790.971.699.489)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		202.956.653.915	135.977.435.606

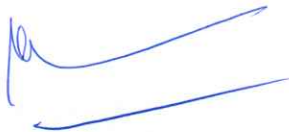
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kết toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		128.441.017.865	(1.294.361.308.729)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		811.520.984.485	1.441.319.143.324
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(249.464.550)
70	Tiền cuối kỳ	4	939.962.002.350	146.708.370.045



Trần Quế Tâm
Người lập



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Thế Giới Số (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0302861742 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết Số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 7 năm 2015.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý kỹ gởi hàng hóa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Số 195 - 197 Đường Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 452 (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 466).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 11. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đề ngày 25 tháng 8 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ (chủ yếu là hàng hóa) với giá trị được xác định theo chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Tài sản vô hình

Tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và hao mòn của tài sản vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	21 - 25 năm
Máy móc thiết bị	2 - 7 năm
Phương tiện vận tải	5 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	1 - 5 năm
Phần mềm kế toán	1 - 6 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hay lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán giữa niên độ khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Tiền mặt	199.014.000	142.177.023
Tiền gửi ngân hàng	192.579.267.657	265.378.236.883
Các khoản tương đương tiền (*)	747.183.720.693	546.000.570.579
TỔNG CỘNG	939.962.002.350	811.520.984.485

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản đầu tư vào trái phiếu ngân hàng được quản lý bởi một công ty chứng khoán có thời hạn cam kết thanh toán dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất từ 6,8% đến 8,5%/năm.

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu các bên khác	2.068.013.719.737	1.348.471.402.919
- Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	750.117.806.036	80.258.767.760
- Công ty Cổ Phần bán lẻ Kỹ thuật số FPT	215.427.885.712	13.046.963.989
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Hoàng Hà	135.903.325.112	168.911.423.040
- Công Ty Cổ Phần Thương Mại Dịch Vụ Phong Vũ	118.897.148.119	66.535.646.412
- Công ty Cổ phần Hesman Việt Nam	29.928.984.736	126.332.424.597
- Khác	817.738.570.022	893.386.177.121
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 26)	41.078.168.759	45.805.670.063
TỔNG CỘNG	2.109.091.888.496	1.394.277.072.982
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(10.429.865.602)	(10.429.865.602)
GIÁ TRỊ THUẦN	2.098.662.022.894	1.383.847.207.380

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Trả trước cho bên khác	62.189.232.396	28.233.367.279
- Công ty TNHH Công Nghệ Huawei Việt Nam	25.692.403.505	1.498.998.482
- Công ty Cổ phần Địa ốc Ngân Hiệp	13.487.921.046	-
- HP PPS Singapore (Sales) Pte Ltd	8.164.784.770	3.759.835.186
- Acer Incorporated	-	16.883.046.140
- Khác	14.844.123.075	6.091.487.471
TỔNG CỘNG	62.189.232.396	28.233.367.279

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Chi tiết phải thu về cho vay ngắn hạn như sau:

Bên vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày đến hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L	102.800.000.000	Từ ngày 28 tháng 12 năm 2023 đến ngày 31 tháng 5 năm 2024	Từ 6 đến 8	Tín chấp
Công ty TNHH Một Thành viên 1 Digital Technology	34.000.000.000	Từ ngày 30 tháng 12 năm 2023 đến ngày 26 tháng 5 năm 2024	Từ 6,3 đến 7,2	Tín chấp
Công ty Cổ phần Việt Money	20.000.000.000	Từ ngày 18 tháng 9 năm 2023 đến ngày 21 tháng 10 năm 2023	10,95	Tín chấp
TỔNG CỘNG	156.800.000.000			

Trong đó:

Phải thu bên liên quan
 (Thuyết minh số 26) 156.800.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn	43.250.459.671	38.641.937.351
Dragon Technology Distribution Pte. Ltd.	32.874.099.492	32.874.099.492
Đặt cọc, ký quỹ	4.199.372.563	1.393.218.556
Tạm ứng cho nhân viên	585.204.431	295.952.278
Khác	5.591.783.185	4.078.667.025
Dài hạn	11.010.993.600	18.809.459.600
Đặt cọc, ký quỹ	11.010.993.600	18.809.459.600
TỔNG CỘNG	54.261.453.271	57.451.396.951
Dự phòng phải thu khác	(32.874.099.492)	(32.874.099.492)
GIÁ TRỊ THUẦN	21.387.353.779	24.577.297.459

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Hàng hóa	2.262.098.179.898	2.624.186.033.240
Hàng mua đang đi trên đường	271.866.109.386	636.436.857.171
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	48.855.363.070	32.478.192.195
Hàng gửi đi bán	9.147.545.750	16.219.946.795
TỔNG CỘNG	2.591.967.198.104	3.309.321.029.401
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(165.171.216.010)	(189.840.609.507)
GIÁ TRỊ THUẦN	2.426.795.982.094	3.119.480.419.894

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Số đầu kỳ	189.840.609.507	21.724.285.464
Dự phòng trích lập trong kỳ	-	162.321.911.445
Sử dụng/ hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(24.669.393.497)	-
Số cuối kỳ	165.171.216.010	184.046.196.909

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn	15.348.932.737	19.528.053.641
Chi phí hoạt động	8.929.690.852	12.529.631.115
Chi phí thuê	6.207.422.199	2.649.643.223
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	211.819.686	4.348.779.303
Dài hạn	4.078.734.447	3.928.135.408
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.358.796.657	2.086.170.815
Chi phí hoạt động	1.719.937.790	1.841.964.593
TỔNG CỘNG	19.427.667.184	23.456.189.049

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	21.183.180.735	5.629.832.427	32.568.078.798	3.520.592.562	62.901.684.522
Mua mới	-	-	12.476.741.817	-	12.476.741.817
Thanh lý	-	(59.174.351)	-	(228.165.349)	(287.339.700)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	21.183.180.735	5.570.658.076	45.044.820.615	3.292.427.213	75.091.086.639
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	3.981.156.163	6.427.054.735	2.589.007.140	12.997.218.038
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	(11.363.291.966)	(4.857.776.452)	(13.563.148.311)	(2.885.601.026)	(32.669.817.755)
Khấu hao trong kỳ	(426.802.545)	(306.194.659)	(2.371.240.694)	(85.581.345)	(3.189.819.243)
Thanh lý	-	59.174.351	-	228.165.349	287.339.700
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	(11.790.094.511)	(5.104.796.760)	(15.934.389.005)	(2.743.017.022)	(35.572.297.298)
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	9.819.888.769	772.055.975	19.004.930.487	634.991.536	30.231.866.767
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	9.393.086.224	465.861.316	29.110.431.610	549.410.191	39.518.789.341

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN VÔ HÌNH

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>VND Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	57.382.176.180	9.295.689.512	66.677.865.692
Mua mới	-	5.284.333.980	5.284.333.980
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>57.382.176.180</u>	<u>14.580.023.492</u>	<u>71.962.199.672</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	2.194.005.963	2.194.005.963
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	-	(5.596.322.418)	(5.596.322.418)
Hao mòn trong kỳ	-	(1.367.462.553)	(1.367.462.553)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	-	<u>(6.963.784.971)</u>	<u>(6.963.784.971)</u>
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	<u>57.382.176.180</u>	<u>3.699.367.094</u>	<u>61.081.543.274</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>57.382.176.180</u>	<u>7.616.238.521</u>	<u>64.998.414.701</u>

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023				Ngày 31 tháng 12 năm 2022			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ
	VND	VND	VND	Lợi ích Quyền biểu quyết	VND	VND	VND	Quyền biểu quyết
Đầu tư vào công ty con trực tiếp								
Công ty TNHH MTV Digiworld Venture (*)	509.000.000.000	(47.894.802.230)	461.105.197.770	100%	406.734.039.605	(47.894.802.230)	358.839.237.375	100%
Đầu tư vào công ty liên kết trực tiếp								
Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam	2.945.750.000	-	2.945.750.000	49,1%	2.945.750.000	-	2.945.750.000	49,1%
TOTAL	511.945.750.000	(47.894.802.230)	464.050.947.770		409.679.789.605	(47.894.802.230)	361.784.987.375	

(*) Công ty TNHH MTV Digiworld Venture ("Venture") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0313309149 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 6 năm 2015 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Venture là cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý, mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử. Venture có trụ sở đăng ký tại Số 195 - 197 Đường Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Trong kỳ, Công ty đã đầu tư thêm 102.265.960.395 VND vào Venture từ nguồn:

- Tiền trị giá 515.960.395 VND; và
- Chuyển đổi khoản phải thu về cho vay ngắn hạn trị giá 101.750.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

13.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Công ty TNHH Apple Việt Nam	653.305.915.511	742.562.669.000
Xiaomi H.K Limited	266.211.798.200	92.174.288.230
Asus Global Pte. Ltd.	131.103.208.352	177.987.134.166
Khác	167.426.799.877	152.989.435.397
TỔNG CỘNG	<u>1.218.047.721.940</u>	<u>1.165.713.526.793</u>

13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Xiaomi H.K Limited	133.119.562.964	82.372.732.130
Khác	27.015.400.678	12.797.976.891
TỔNG CỘNG	<u>160.134.963.642</u>	<u>95.170.709.021</u>

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2023
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.251.613.786	20.041.974.160	(38.755.629.206)	15.537.958.740
Thuế giá trị gia tăng	-	1.736.104.968.024	(1.704.965.688.980)	31.139.279.044
Thuế thu nhập cá nhân	396.191.344	3.485.296.086	(3.600.159.604)	281.327.826
Thuế khác	-	459.709.751	(459.709.751)	-
TỔNG CỘNG	<u>34.647.805.130</u>	<u>1.760.091.948.021</u>	<u>(1.747.781.187.541)</u>	<u>46.958.565.610</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Chiết khấu thương mại và hỗ trợ bán hàng	132.626.478.211	281.304.824.430
Chi phí hoạt động	10.952.116.858	9.425.138.166
Lãi vay phải trả	9.958.864.525	12.942.348.668
TỔNG CỘNG	<u>153.537.459.594</u>	<u>303.672.311.264</u>

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn	189.293.458.210	277.676.543.229
UPAS L/C (*)	133.311.508.000	257.895.308.000
Phải trả liên quan tới việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("ESOP") (**)	40.000.000.000	-
Chi trả hộ	13.610.131.088	15.826.411.176
Bảo hiểm	2.131.483.511	2.361.379.111
Khác	240.335.611	1.593.444.942
Dài hạn	8.133.629.427	5.858.629.427
Nhận ký quỹ, ký cược	8.133.629.427	5.858.629.427
TỔNG CỘNG	<u>197.427.087.637</u>	<u>283.535.172.656</u>

(*) Đây là các khoản phải trả liên quan đến việc mua hàng tồn kho và trong đó một phần được thực hiện dưới hình thức thư tín dụng trả chậm thanh toán ngay (UPAS L/C) phát hành bởi ngân hàng thương mại cổ phần.

(**) Vào ngày 13 tháng 1 năm 2023, Công ty đã hoàn thành việc thu đủ 40.000.000.000 VND liên quan tới việc phát hành 4.000.000 cổ phiếu theo chương trình ESOP với giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu, theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 02/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 6 tháng 4 năm 2022 và Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 44/2022/NQ-HĐQT ngày 7 tháng 11 năm 2022.

Vào ngày 16 tháng 1 năm 2023, Công ty đã gửi báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Cho đến ngày của báo cáo tài chính riêng này, Công ty chưa nhận được Thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước liên quan tới báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu. Do đó, Công ty ghi nhận khoản tiền nhận được từ việc phát hành nói trên là khoản phải trả khác.

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VAY NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	VND
Vay ngân hàng	<u>1.914.826.375.993</u>	<u>4.853.463.397.954</u>	<u>(4.691.857.523.965)</u>	<u>2.076.432.249.982</u>	
Công ty thực hiện các khoản vay tín chấp này nhằm tài trợ nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết như sau:					
<i>Ngân hàng</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>VND</i>	<i>Ngày đến hạn</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>%/ năm</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	595.569.779.899		Từ ngày 12 tháng 8 năm 2023 đến ngày 21 tháng 8 năm 2023	Từ 5,5 đến 5,8	
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	527.966.680.945		Từ ngày 4 tháng 7 năm 2023 đến ngày 27 tháng 9 năm 2023	Từ 5,5 đến 6,5	
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)	443.696.234.335		Từ ngày 23 tháng 7 năm 2023 đến ngày 27 tháng 9 năm 2023	Từ 4,9 đến 6,1	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1	227.375.704.227		Từ ngày 4 tháng 8 năm 2023 đến ngày 24 tháng 8 năm 2023	6,5	
Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	173.479.585.734		Từ ngày 26 tháng 7 năm 2023 đến ngày 21 tháng 9 năm 2023	5,18	
The Hongkong and Shanghai Banking Corporation Limited (Singapore)	83.978.015.443		Ngày 2 tháng 8 năm 2023	6	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam	24.366.249.399		Ngày 28 tháng 9 năm 2023	6	
TỔNG CỘNG	<u>2.076.432.249.982</u>				

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
						VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	885.520.250.000	61.233.761.416	-	400.000.000	838.850.062.342	1.779.731.136.592
Phát hành cổ phiếu (ESOP)	22.000.000.000	-	-	-	-	22.000.000.000
Mua lại cổ phiếu	-	-	(30.000.000)	-	-	(30.000.000)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(90.597.556.000)	(90.597.556.000)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	356.700.541.864	356.700.541.864
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	907.520.250.000	61.233.761.416	(6.302.937.166)	400.000.000	1.104.953.048.206	2.067.804.122.456
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	1.632.299.430.000	61.233.761.416	(6.302.937.166)	400.000.000	710.259.410.252	2.397.889.664.502
Mua lại cổ phiếu	-	-	(25.000.000)	-	-	(25.000.000)
Giảm vốn	(55.000.000)	-	55.000.000	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	180.918.022.827	180.918.022.827
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	1.632.244.430.000	61.233.761.416	(6.272.937.166)	400.000.000	891.177.433.079	2.578.782.687.329

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Vốn đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ	1.632.299.430.000	885.520.250.000
Giảm vốn	(55.000.000)	-
Phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP	-	22.000.000.000
Số cuối kỳ	<u>1.632.244.430.000</u>	<u>907.520.250.000</u>

18.3 Cổ tức

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Cổ tức đã công bố	-	<u>90.597.556.000</u>

18.4 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Cổ phiếu đã được duyệt	163.224.443	163.229.943
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	163.224.443	163.229.943
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	163.224.443	163.229.943
Cổ phiếu quỹ	151.469	154.469
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	151.469	154.469
Cổ phiếu đang lưu hành	163.072.974	163.075.474
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	163.072.974	163.075.474

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Tổng doanh thu:	8.132.172.519.718	11.864.739.495.590
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	<i>8.011.175.958.867</i>	<i>11.685.842.347.336</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>120.996.560.851</i>	<i>178.897.148.254</i>
Các khoản trừ doanh thu:	(4.557.156.975)	(64.690.218.857)
DOANH THU THUẦN	8.127.615.362.743	11.800.049.276.733
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	<i>8.006.618.801.892</i>	<i>11.621.152.128.479</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>120.996.560.851</i>	<i>178.897.148.254</i>

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Lãi chênh lệch tỷ giá	30.816.577.008	39.427.055.063
Lãi trái phiếu	21.999.185.901	17.592.816.467
Chiết khấu thanh toán	19.493.284.787	43.999.065.145
Lãi cho vay và lãi tiền gửi ngân hàng	9.430.914.322	637.934.897
Cổ tức	1.469.744.271	-
Khác	-	253.756.669
TỔNG CỘNG	83.209.706.289	101.910.628.241

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	7.460.007.722.621	10.870.693.822.630
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	87.903.882.918	165.100.201.821
TỔNG CỘNG	7.547.911.605.539	11.035.794.024.451

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí bán hàng	306.833.864.337	325.462.490.773
Chi phí hỗ trợ bán hàng	232.139.874.813	256.880.176.103
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.976.776.072	23.629.038.007
Chi phí nhân viên	25.069.241.469	20.748.110.724
Chi phí vận chuyển	15.694.465.926	19.350.277.532
Khác	3.953.506.057	4.854.888.407
Chi phí quản lý doanh nghiệp	58.502.273.663	51.508.117.071
Chi phí nhân viên	27.582.174.429	23.877.017.737
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.839.150.627	7.510.252.788
Khác	23.080.948.607	20.120.846.546
TỔNG CỘNG	<u>365.336.138.000</u>	<u>376.970.607.844</u>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí lãi vay	67.692.440.902	35.008.246.009
Lỗi chênh lệch tỷ giá	2.509.805.206	3.978.587.850
Khác	52.917.852	721.577.213
TỔNG CỘNG	<u>70.255.163.960</u>	<u>39.708.411.072</u>

23. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Thu nhập khác	1.083.055.819	370.966.847
Bồi thường	223.053.324	-
Khác	860.002.495	370.966.847
Chi phí khác	(2.044.536.216)	(3.081.012.822)
Chi phí không được trừ theo Thông tư 151/2014/TT-BTC	(1.791.727.653)	(1.554.655.682)
Phạt thuế	-	(259.541.208)
Khác	(252.808.563)	(1.266.815.932)
LỖ THUẦN KHÁC	<u>(961.480.397)</u>	<u>(2.710.045.975)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Giá mua hàng hóa	7.547.911.605.539	11.035.794.024.451
Chi phí hỗ trợ bán hàng	232.139.874.813	256.880.176.103
Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.510.392.625	50.489.568.327
Chi phí nhân viên	52.651.415.898	44.625.128.461
Khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 10 và 11)	4.557.281.796	3.522.944.141
Khác	22.477.172.868	21.452.790.812
TỔNG CỘNG	<u>7.913.247.743.539</u>	<u>11.412.764.632.295</u>

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.041.974.160	84.222.174.321
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	25.400.684.149	5.854.099.447
TỔNG CỘNG	<u>45.442.658.309</u>	<u>90.076.273.768</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>226.360.681.136</u>	<u>446.776.815.632</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	45.272.136.227	89.355.363.126
<i>Điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí không được trừ	464.470.936	720.910.642
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(293.948.854)	-
Chi phí thuế TNDN	<u>45.442.658.309</u>	<u>90.076.273.768</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

25.3 Thuế TNDN hoãn lại

Sau đây là các tài sản thuế thu nhập hoãn lại được Công ty ghi nhận và biến động trong đó, trong năm hiện tại và các kỳ trước:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí phải trả	30.707.491.919	51.174.297.369	(20.466.805.450)	(38.318.481.736)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	33.034.243.202	37.968.121.901	(4.933.878.699)	32.464.382.289
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	6.665.303.366	6.665.303.366	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	<u>70.407.038.487</u>	<u>95.807.722.636</u>		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			<u>(25.400.684.149)</u>	<u>(5.854.099.447)</u>

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty TNHH MTV Digiworld Venture	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH MTV 1 Digital Technology	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thương Mại và Sản xuất Bellvina	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV DPharma	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Achison	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH B2X Care Solutions Việt Nam	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Việt Money	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH MTV Created Future	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV DHV	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV DKP	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV TOHT	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

			VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Công ty TNHH MTV Digiworld Venture	Công ty con trực tiếp	Góp vốn Cung cấp dịch vụ	102.265.960.395 2.225.587.773	1.350.000.000 -
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L	Công ty con gián tiếp	Cho vay Cung cấp dịch vụ Bán hàng hóa Mua hàng hóa	74.000.000.000 3.229.734.243 1.495.985.102 655.042.100	- 5.951.074 12.450.502.098 -
Công ty TNHH MTV 1 Digital Technology	Công ty con gián tiếp	Bán hàng hóa Thu hồi cho vay Mua hàng hóa Mua dịch vụ Cho vay Lãi cho vay Cung cấp dịch vụ	48.922.801.985 42.000.000.000 29.827.988.158 3.318.916.379 3.000.000.000 1.258.235.616 251.092.273	143.320.560.215 - 506.309.678.241 - 125.000.000.000 176.367.122 759.642.122
Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín	Công ty liên kết gián tiếp	Bán hàng hóa Thu hồi cho vay Mua hàng hóa Lãi cho vay Cho vay	27.758.139.096 3.719.520.000 944.854.292 423.630.144 -	23.011.368.759 8.400.000.000 - 187.804.254 6.048.000.000
Công ty TNHH MTV DPharma	Công ty con gián tiếp	Thu hồi cho vay Mua dịch vụ Lãi cho vay	8.000.000.000 2.183.098.278 297.068.493	- - -
Công ty Cổ phần Việt Money	Công ty liên kết gián tiếp	Lãi cho vay Cho vay Thu hồi cho vay	547.500.000 - -	- 35.000.000.000 10.000.000.000
Công ty Cổ phần Achison	Công ty con gián tiếp	Bán hàng hóa	341.814.917	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>				
Công ty TNHH MTV 1 Digital Technology	Công ty con gián tiếp	Cung cấp dịch vụ và bán hàng hóa	24.867.810.854	16.413.161.437
Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín	Công ty liên kết gián tiếp	Cung cấp dịch vụ và bán hàng hóa	11.721.348.305	26.029.110.258
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L	Công ty con gián tiếp	Cung cấp dịch vụ và bán hàng hóa	2.566.381.055	3.363.398.368
Công ty TNHH MTV Digiworld Venture	Công ty con trực tiếp	Cung cấp dịch vụ và bán hàng hóa	1.710.689.143	-
Công ty Cổ phần Achison	Công ty con gián tiếp	Cung cấp dịch vụ và bán hàng hóa	211.939.402	-
			41.078.168.759	45.805.670.063
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L	Công ty con gián tiếp	Cho vay	102.800.000.000	28.800.000.000
Công ty TNHH MTV 1 Digital Technology	Công ty con gián tiếp	Cho vay	34.000.000.000	73.000.000.000
Công ty Cổ phần Việt Money	Công ty liên kết gián tiếp	Cho vay	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty TNHH MTV Digiworld Venture	Công ty con trực tiếp	Cho vay	-	57.750.000.000
Công ty TNHH MTV Dpharma	Công ty con gián tiếp	Cho vay	-	8.000.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín	Công ty liên kết gián tiếp	Cho vay	-	3.719.520.000
			156.800.000.000	191.269.520.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị như sau:

Tên	Chức vụ	Thù lao		VND
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	
Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	81.958.000	98.454.000	
Bà Đặng Kiện Phương	Tổng Giám đốc, Thành viên Hội đồng quản trị	80.470.000	93.860.000	
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc, Thành viên Hội đồng quản trị	80.470.000	93.860.000	
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị	60.000.000	30.000.000	
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị	60.000.000	30.000.000	
TỔNG CỘNG		362.898.000	346.174.000	

27. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Dưới 1 năm	38.292.838.800	41.846.938.800
Từ 1 đến 5 năm	86.526.119.200	98.479.049.200
Trên 5 năm	-	3.106.139.400
TỔNG CỘNG	124.818.958.000	143.432.127.400

Bảo lãnh

Công ty đã bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty TNHH Một Thành viên 1 Digital Technology với số tiền tối đa là 232.000.000.000 VND.

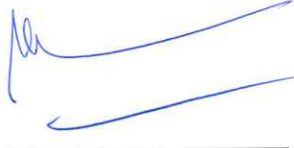
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Trần Quế Tâm
Người lập



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2023